

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XĂNG DẦU

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

(Đã được kiểm toán)

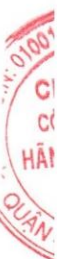
M.S.C.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XĂNG DẦU

Số 446 Nơ Trang Long, Phường 13,
Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	05-35
Bảng cân đối kế toán riêng	05-06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	08-09
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	10-35



CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XĂNG DẦU

Số 446 Nơ Trang Long, Phường 13,
Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

CÔNG TY

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 063343 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21 tháng 10 năm 1999 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0301830116 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký thay đổi lần thứ mười một ngày 26 tháng 4 năm 2012.

Trụ sở của Công ty được đặt tại: Số 446 Nơ Trang Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đoàn Đắc Học	Chủ tịch	(Bổ nhiệm ngày 01/10/2017)
Ông Nguyễn Quang Kiên	Chủ tịch	(Từ nhiệm ngày 01/10/2017)
Ông Trịnh Bá Bộ	Phó Chủ tịch	
Ông Hồ Trí Lượng	Ủy viên	(Bổ nhiệm ngày 01/09/2017)
Ông Howang Yu Nam	Ủy viên	(Từ nhiệm ngày 01/09/2017)
Ông Đoàn Đắc Học	Ủy viên	(Miễn nhiệm ngày 01/10/2017)
Ông Nguyễn Vũ Bảo Hoàng	Ủy viên	

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đoàn Đắc Học	Giám đốc
Bà Dương Thị Bạch Xuyên	Phó Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01/03/2017)
Ông Hồ Trí Lượng	Phó Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Lê Huy Hiệp	Trưởng ban
Ông Ngô Quý Dũng	Thành viên
Bà Nguyễn Hoàng Ngọc Phượng	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng cho Công ty.

111
HN
NG'
GK
A
-71

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XĂNG DẦU

Số 446 Nơ Trang Long, Phường 13,
Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định pháp lý của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 03 năm 2018



15-00
HÀN
Y TNHH
EM T
SC
HỒ C

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu được lập ngày 06 tháng 03 năm 2018, từ trang 05 đến trang 35, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần ABC cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và Công ty Kiểm toán khác. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này tại ngày 31 tháng 03 năm 2015.

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 03 năm 2018

Chi nhánh Công ty TNHH Hàng Kiểm toán AASC



Ngô Minh Quý

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2434-2018-002-1

Kiểm toán viên



Nguyễn Thái

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1623-2018-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		98.438.352.365	185.489.477.605
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	6.813.612.931	9.297.296.939
111	1. Tiền		6.813.612.931	9.297.296.939
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	41.257.914	41.257.914
121	1. Chứng khoán kinh doanh		355.000.000	355.000.000
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(313.742.086)	(313.742.086)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		73.543.293.177	112.532.461.460
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	65.021.945.478	104.808.748.496
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	2.002.539.476	5.396.589.666
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	6.518.808.223	2.327.123.298
140	IV. Hàng tồn kho	8	14.726.852.811	59.388.841.789
141	1. Hàng tồn kho		14.726.852.811	59.388.841.789
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		3.313.335.532	4.229.619.503
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	-	919.175.386
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		2.574.396	3.310.444.117
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	3.310.761.136	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		105.407.354.869	102.827.303.628
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		565.000.000	565.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	565.000.000	565.000.000
220	II. Tài sản cố định		37.051.080.998	36.391.305.292
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	35.512.940.104	34.806.640.650
222	- Nguyên giá		81.991.031.468	78.309.999.792
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(46.478.091.364)	(43.503.359.142)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	1.538.140.894	1.584.664.642
228	- Nguyên giá		2.080.950.110	2.080.950.110
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(542.809.216)	(496.285.468)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		2.602.903.874	3.833.787.895
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	2.602.903.874	3.833.787.895
250	V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	4	62.037.210.441	62.037.210.441
251	1. Đầu tư vào công ty con		51.000.000.000	51.000.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		11.037.210.441	11.037.210.441
260	VI. Tài sản dài hạn khác		3.151.159.556	-
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	3.151.159.556	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		203.845.707.234	288.316.781.233

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		69.081.152.695	137.605.374.103
310	I. Nợ ngắn hạn		68.535.931.330	136.706.252.738
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	10.706.750.709	46.140.711.636
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	1.186.333.100	4.299.541.784
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	563.950.550	2.202.201.831
314	4. Phải trả người lao động		1.535.984.563	6.558.151.847
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	398.347.992	5.084.685.137
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	8.150.163.224	2.781.850.026
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	13	45.439.914.024	69.234.306.009
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		554.487.168	404.804.468
330	II. Nợ dài hạn		545.221.365	899.121.365
337	1. Phải trả dài hạn khác	18	450.000.000	550.000.000
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn	19	95.221.365	349.121.365
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		134.764.554.539	150.711.407.130
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	134.764.554.539	150.711.407.130
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		72.276.620.000	72.276.620.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		72.276.620.000	72.276.620.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		25.425.165.374	25.425.165.374
415	3. Cổ phiếu quỹ		(343.472.600)	(343.472.600)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		35.783.745.434	34.189.156.425
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.622.496.331	19.163.937.931
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(10.545.770.635)	-
421b	- LNST chưa phân phối năm nay		12.168.266.966	19.163.937.931
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		203.845.707.234	288.316.781.233

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 03 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Đỗ Thị Hồng Hạnh

Trần Văn Phúc

Đoàn Đắc Học

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Năm 2017

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	597.783.004.052	740.221.491.769
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		3.908.244.802	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		593.874.759.250	740.221.491.769
11	4. Giá vốn hàng bán	23	569.053.790.535	659.425.646.447
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		24.820.968.715	80.795.845.322
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	10.641.367.659	1.418.795.370
22	7. Chi phí tài chính	25	3.966.794.146	3.323.488.003
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		3.752.383.151	3.120.806.141
25	8. Chi phí bán hàng	26	7.667.108.412	17.767.650.538
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	12.053.080.367	36.283.886.097
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		11.775.353.449	24.839.616.054
31	11. Thu nhập khác	28	3.054.327.291	1.300.991.190
32	12. Chi phí khác	29	38.369.834	248.525.496
40	13. Lợi nhuận khác		3.015.957.457	1.052.465.694
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		14.791.310.906	25.892.081.748
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	30	849.108.054	5.095.985.327
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>13.942.202.852</u>	<u>20.796.096.421</u>

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 03 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng




Đỗ Thị Hồng Hạnh

Trần Văn Phúc



Đoàn Đắc Học

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		14.791.310.906	25.892.081.748
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		5.837.128.382	3.765.748.576
03	- Các khoản dự phòng		-	(2.224.901.024)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		717.020	(48.743.351)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(11.001.564.117)	(890.448.412)
06	- Chi phí lãi vay		3.752.383.151	3.120.806.141
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		13.379.975.342	29.614.543.678
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		41.691.834.959	(59.761.411.027)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		44.661.988.978	(3.728.368.124)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(46.141.630.995)	20.331.428.710
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		445.074.466	(560.986.632)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(3.764.788.457)	(3.061.456.988)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(900.844.623)	(5.353.371.734)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(5.845.263.596)	(4.255.379.073)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		43.526.346.074	(26.775.001.190)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(8.196.847.999)	(33.940.895.529)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		614.000.000	2.870.305.278
25	3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(51.000.000.000)
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		7.935.562.778	6.773.792.107
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		352.714.779	(75.296.798.144)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		226.024.250.179	203.836.792.938
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(249.818.642.164)	(168.874.665.164)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(22.567.848.400)	(9.582.169.540)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(46.362.240.385)	25.379.958.234

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(2.483.179.532)	(76.691.841.100)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		9.297.296.939	85.940.394.688
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(504.476)	48.743.351
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>6.813.612.931</u>	<u>9.297.296.939</u>

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 03 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng





Đỗ Thị Hồng Hạnh

Trần Văn Phúc

Đoàn Đắc Học



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG Năm 2017

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 063343 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21 tháng 10 năm 1999 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0301830116 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký thay đổi lần thứ mười một ngày 26 tháng 4 năm 2012.

Trụ sở của Công ty được đặt tại: Số 446 Nơ Trang Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 72.276.620.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 72.276.620.000 đồng; tương đương 7.227.662 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại, dịch vụ, xây lắp.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Bán buôn dụng cụ, thiết bị phòng cháy, chữa cháy; thiết bị cứu hộ, cứu sinh. Kinh doanh vật tư, thiết bị xăng dầu, kinh doanh cơ khí bao bì. Bán buôn dụng cụ, thiết bị phòng cháy chữa cháy; thiết bị cứu hộ, cứu sinh;
- Cài tạo xe chuyên dùng. Sửa chữa xe bồn các loại. Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ;
- Kinh doanh vận tải xăng dầu bằng đường bộ. Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô;
- Sản xuất, kinh doanh cơ khí bao bì. Đóng mới, sửa chữa bồn bể;
- Sản xuất xe có động cơ: xe bồn (trừ thiết kế phương tiện vận tải và chỉ đóng mới, sửa chữa và lắp đặt bồn, bể, thùng lên phương tiện có sẵn động cơ);
- Đóng mới và sửa chữa tàu, xà lan và các sản phẩm cơ khí khác;
- Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công nghiệp;
- Mua bán ô tô vận tải chuyên dùng;
- Mua bán xăng, dầu; Đại lý bán lẻ xăng dầu;
- Kinh doanh bất động sản. Đầu tư xây dựng, cho thuê hạ tầng cơ sở khu công nghiệp, trung tâm thương mại;
- Xuất nhập khẩu nguyên liệu, thiết bị vật tư phục vụ cho sản xuất kinh doanh;
- Thi công lắp đặt hệ thống xử lý nước thải; Thi công lắp đặt hệ thống đường ống áp lực, hệ thống phòng cháy, chữa cháy;
- Sản xuất thiết bị cứu hộ, cứu sinh (không hoạt động tại trụ sở).

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng

Ngày 20/12/2016 Công ty Cổ phần Cơ khí xăng dầu cũng đã ký hợp đồng cho thuê tài sản là dây chuyền máy móc, thiết bị sản xuất thùng phuy với Công ty TNHH MTV Cơ khí xăng dầu Đồng Nai theo hợp đồng số 082/HĐ/PMS-PMS DONG NAI.

- Tài sản cho thuê là hai dây chuyền sản xuất sản phẩm thùng phuy (một dây chuyền di dời từ nhà máy tại địa chỉ Số 446 Nơ Trang Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh, một dây chuyền nhận chuyển nhượng theo nhà máy của Công ty TNHH Samsun Việt Nam), dây chuyền sản xuất sản phẩm thùng 18L - 20L, phương tiện vận
- Thời gian cho thuê từ ngày 01/01/2017 đến 31/12/2019. Tài sản đã được bàn giao và đưa vào hoạt động kể từ ngày 01/01/2017.

Theo hợp đồng cho thuê này, toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của dây chuyền sản xuất sản phẩm thùng, phuy đã được Công ty chuyển giao cho Công ty TNHH MTV Cơ khí Xăng dầu Đồng Nai. Công ty vẫn hoạt động sản xuất kinh doanh xăng dầu, thương mại vật tư xăng dầu, sản xuất bồn, xây dựng công trình. Do đó, doanh thu của Công ty trong năm 2017 đã giảm 142,438 tỷ VND tương đương giảm 19% so với năm trước, các khoản chi phí có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh này cũng giảm dẫn đến lợi nhuận sau thuế TNDN giảm 6,853 tỷ VND tương đương giảm

Cấu trúc doanh nghiệp**Công ty có các đơn vị trực thuộc sai Địa chỉ****Hoạt động kinh doanh chính**

Công ty có các đơn vị trực thuộc sai Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh Công ty Cổ phần Cơ Khí Xăng Dầu - Cửa hàng bán lẻ Xăng dầu Tân Bình Kim Hương	Kinh doanh xăng dầu
Cửa hàng bán lẻ Xăng dầu Thủ Đức	Kinh doanh xăng dầu
Cửa hàng bán lẻ Xăng dầu Bạch Đằng	Kinh doanh xăng dầu
Cửa hàng bán lẻ Xăng dầu Chiến Thắng	Kinh doanh xăng dầu

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính riêng của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ/hoặc chưa được loại trừ toàn bộ.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng nên đọc các báo cáo tài chính riêng này kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

100%
C
C
H
A
N
H
Q
U
A
N

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư ngắn hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài

2.6 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết: căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm:

- Đối với công trình xây dựng: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.
- Đối với sản xuất thành phẩm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	08 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 - 06 năm
- Quyền sử dụng đất	40 năm
- Phần mềm quản lý	03 năm

2.11 . Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Đối với BCC chia lợi nhuận sau thuế

Theo các điều khoản thỏa thuận tại BCC, Công ty thực hiện kế toán cho BCC, ghi nhận toàn bộ doanh thu, chi phí và lợi nhuận sau thuế của BCC trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của mình. Chi phí của BCC bao gồm cả khoản lợi nhuận cố định trả cho các bên khác tham gia BCC.

Công ty thực hiện kế toán cho BCC và có nghĩa vụ thay mặt các bên khác thực hiện nghĩa vụ của BCC với Ngân sách Nhà nước, thực hiện quyết toán thuế và phân bổ lại nghĩa vụ này cho các bên khác theo thỏa thuận của BCC.

2.12 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.13 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.14 . Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.15 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

2.16 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.17 . Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở năm báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm.

2.18 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.19 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm tài chính phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.20 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: hàng bán bị trả lại.

Hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính riêng của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

2.21 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.22 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.23 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

2.24 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	258.061.873	353.689.236
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.555.551.058	8.943.607.703
	6.813.612.931	9.297.296.939

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a) Chứng khoán kinh doanh**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Thủy sản Út Xi (UTXI)	355.000.000	(313.742.086)	355.000.000	(313.742.086)
	355.000.000	(313.742.086)	355.000.000	(313.742.086)

- Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

- Công ty xác định giá trị dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh căn cứ vào Báo cáo tài chính năm 2017 chưa được kiểm toán của Công ty Cổ phần Thủy sản Út Xi.

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**Đầu tư vào công ty con**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 31/12/2017 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH MTV Cơ khí Xăng dầu Đồng Nai	Đồng Nai	100%	100%	Sản xuất, kinh doanh cơ khí bao bì

Đầu tư vào công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2017 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Cơ khí Gas P.M.G	Thành phố Hồ Chí Minh	49,00%	49,00%	Sản xuất, kinh doanh các loại vật tư, thiết bị, công nghệ ngành gas, xăng dầu, dầu khí

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
- Công ty TNHH MTV Cơ khí Xăng dầu Đồng Nai	56.550.269.978	69.570.143.781
- Các khoản phải thu khách hàng khác	8.471.675.500	35.238.604.715
	65.021.945.478	104.808.748.496

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Zhejiang Maide Machine Co.,Ltd	373.100.000	-	-	-
- Công ty TNHH Thiết bị Công nghệ Triều Lợi	1.119.729.600	-	-	-
- Công ty TNHH Perstima Việt Nam	7.409.876	-	2.783.892.016	-
- Công ty Cổ phần Ô tô Vĩnh Thịnh	-	-	626.400.000	-
- Trả trước cho người bán khác	502.300.000	-	1.986.297.650	-
	2.002.539.476	-	5.396.589.666	-

7 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu ngắn hạn khác				
- Phải thu các cửa hàng kinh doanh xăng dầu về tiền bán hàng	1.185.928.821	-	786.726.773	-
- Phải thu về thuế TNCN	460.607.337	-	401.547.538	-
- Tạm ứng lợi nhuận cho Công ty TNHH Phát triển Thuận Gia	245.000.000	-	245.000.000	-
- Phải thu tiền tạm ứng các đội thi công	1.742.792.657	-	-	-
- Phải thu tiền lợi nhuận từ Công ty TNHH MTV Cơ khí Xăng dầu Đồng Nai	2.705.770.635	-	-	-
- Phải thu các khoản chi hộ Công ty TNHH MTV Cơ khí Xăng dầu Đồng Nai	-	-	809.111.697	-
- Phải thu khác	178.708.773	-	84.737.290	-
	6.518.808.223	-	2.327.123.298	-
b) Phải thu dài hạn khác				
- Ký cược, ký quỹ	565.000.000	-	565.000.000	-
	565.000.000	-	565.000.000	-

8 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	7.225.961.632	-	32.610.159.890	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	251.114.500	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	450.626.355	-	10.749.398.136	-
Thành phẩm	631.561.699	-	7.408.285.925	-
Hàng hoá	6.418.703.125	-	8.369.883.338	-
	14.726.852.811	-	59.388.841.789	-

9 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí làm bảng quảng cáo	-	823.086.292
Các khoản khác	-	96.089.094
	<u>-</u>	<u>919.175.386</u>
b) Dài hạn		
Chi phí sửa chữa, di dời Nhà máy thùng phuy	1.730.039.090	-
Chi phí sửa chữa Cửa hàng xăng dầu	1.421.120.466	-
	<u>3.151.159.556</u>	<u>-</u>

10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Dự án 446 Nơ Trang Long ⁽¹⁾	863.085.429	863.085.429
- Chi phí sửa chữa, di dời Nhà máy	293.643.830	2.970.702.466
- Chi phí xây dựng Cửa hàng xăng dầu ⁽²⁾	1.446.174.615	-
	<u>2.602.903.874</u>	<u>3.833.787.895</u>

(1) Đây là dự án xây dựng Trung tâm thương mại và khu nhà cao tầng tại địa chỉ số 446 Nơ Trang Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Các khoản chi phí đã phát sinh là các khoản chi phí tư vấn, thiết kế ban đầu của dự án. Hiện nay, Công ty đang tiến hành các thủ tục pháp lý cần thiết để trình UBND Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt dự án.

(2) Thông tin chi tiết về dự án Cửa hàng Xăng dầu 446 Nơ Trang Long;

- Chủ đầu tư : Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu;
- Địa điểm xây dựng : Số 446 Nơ Trang Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh;
- Nguồn vốn đầu tư: 7.526.190.544 VND;
- Tiến độ thực hiện: dự án triển khai từ Quý IV/2017 và dự kiến hoàn thành vào Quý I/2018;

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XĂNG DẦU

Số 446 Nơ Trang Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	7.461.188.582	59.852.398.654	10.763.608.946	232.803.610	78.309.999.792
- Mua trong năm	-	6.750.673.384	-	-	6.750.673.384
- Thanh lý, nhượng bán	(1.154.207.293)	-	(1.915.434.415)	-	(3.069.641.708)
Số dư cuối năm	6.306.981.289	66.603.072.038	8.848.174.531	232.803.610	81.991.031.468
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	5.822.453.099	29.482.757.097	8.004.581.459	193.567.487	43.503.359.142
- Khấu hao trong năm	304.810.092	4.812.769.006	657.192.208	15.833.328	5.790.604.634
- Thanh lý, nhượng bán	(900.437.997)	-	(1.915.434.415)	-	(2.815.872.412)
Số dư cuối năm	5.226.825.194	34.295.526.103	6.746.339.252	209.400.815	46.478.091.364
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	1.638.735.483	30.369.641.557	2.759.027.487	39.236.123	34.806.640.650
Tại ngày cuối năm	1.080.156.095	32.307.545.935	2.101.835.279	23.402.795	35.512.940.104

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 5.234.503.766 VND.
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 5.455.183.492 VND.

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	1.860.950.110	220.000.000	2.080.950.110
Số dư cuối năm	1.860.950.110	220.000.000	2.080.950.110
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	276.285.468	220.000.000	496.285.468
- Khấu hao trong năm	46.523.748	-	46.523.748
Số dư cuối năm	322.809.216	220.000.000	542.809.216
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	1.584.664.642	-	1.584.664.642
Tại ngày cuối năm	1.538.140.894	-	1.538.140.894

- Quyền sử dụng đất: Là 3.000,5 m2 đất được Công ty sử dụng với mục đích kinh doanh xăng dầu tại khu đất ở phường Tân Bình, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương với thời hạn sử dụng đến ngày 05/10/2055.

- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 220.000.000 VND.

01091
CP
CỔ
HẠN
VIỆN 4

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XĂNG DẦU

Số 446 Nơ Trang Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

13 . VAY NGẮN HẠN

	01/01/2017		Trong năm		31/12/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Vay ngân hàng						
+ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh ⁽¹⁾	38.347.013.497	38.347.013.497	18.527.181.673	52.964.799.270	3.909.395.900	3.909.395.900
+ Ngân hàng TMCP Xăng Dầu Petrolimex - Chi nhánh Sài Gòn ⁽²⁾	16.596.243.795	16.596.243.795	95.729.873.247	108.037.497.042	4.288.620.000	4.288.620.000
+ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 7 ⁽³⁾	14.291.048.717	14.291.048.717	111.767.195.259	88.816.345.852	37.241.898.124	37.241.898.124
	69.234.306.009	69.234.306.009	226.024.250.179	249.818.642.164	45.439.914.024	45.439.914.024

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

- (1) Hợp đồng tín dụng số 01/CV-0092/KHDN1/17NH ngày 15/05/2017, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 60.000.000.000 VND;
 - + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 15/05/2017 đến 03/05/2018;
 - + Lãi suất cho vay: 5.6% - 7%/năm;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 3.909.395.900 VND;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị và phương tiện truyền dẫn số 0693/NHNT ngày 15/05/2017.
- (2) Hợp đồng tín dụng số 441.0090/2016/HĐTDHM-DN/PGB.SG ngày 11/11/2016, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 60.000.000.000 đồng;
 - + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn cho vay: 06 tháng kể từ ngày nhận nợ;
 - + Lãi suất cho vay: theo từng khế ước nhận nợ cụ thể;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 4.288.620.000 VND;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: tín chấp.
- (3) Hợp đồng tín dụng số 0604/2017-HĐCVHM/NHCT924-CKXD ngày 12/06/2017, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 50.000.000.000 VND;
 - + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng;
 - + Lãi suất cho vay: 5.5% - 7%/năm;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 37.241.898.124 VND;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
- Công ty TNHH Minh Đức Minh Tâm	-	-	755.355.685	755.355.685
- Công ty Xăng dầu Khu vực II - TNHH MTV	6.218.411.400	6.218.411.400	5.129.959.814	5.129.959.814
- Công ty TNHH Posco Việt Nam	-	-	8.579.463.491	8.579.463.491
- Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải - Chi nhánh Thủ Đức	-	-	4.490.000.000	4.490.000.000
- Công ty TNHH MTV TM Van Hoàng Linh	1.256.136.200	1.256.136.200	-	-
- Phải trả các đối tượng khác	3.232.203.109	3.232.203.109	27.185.932.646	27.185.932.646
	10.706.750.709	10.706.750.709	46.140.711.636	46.140.711.636

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XĂNG DẦU

Số 446 Nơ Trang Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

15 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công ty Xăng dầu Phú Khánh	-	1.282.740.000
Công ty TNHH Châu Thành	-	816.000.000
Công ty Cổ phần Ôto và Kỹ Thuật Trường Long	200.000.000	-
Meng Nguon Ching Construction Co., Ltd	422.100.000	-
Công ty TNHH Nanpao Resins Việt Nam	191.992.600	-
Người mua trả tiền trước khác	372.240.500	2.200.801.784
	1.186.333.100	4.299.541.784

16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	6.277.367.222	5.950.218.137	-	327.149.085
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	152.258.783	977.369.601	900.844.623	-	228.783.761
Thuế Thu nhập cá nhân	-	78.160.638	863.656.474	933.799.408	-	8.017.704
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất (*)	-	1.971.782.410	(1.327.535.162)	3.955.008.384	3.310.761.136	-
Các loại thuế khác	-	-	43.124.551	43.124.551	-	-
	-	2.202.201.831	6.833.982.686	11.782.995.103	3.310.761.136	563.950.550

(*) Căn cứ theo Thông báo số 18886/TB-CT ngày 28/12/2017 của Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh, về đơn giá thuê đất từ ngày 01/01/2016 đến 31/12/2020, Công ty được giảm tiền thuê đất năm 2016 số tiền 2.644.132.644 VND và giảm số tiền thuê đất đã nộp trong năm 2017 là 1.677.876.376 VND dẫn đến số tiền thuê đất Công ty đã nộp thừa tính đến thời điểm 31/12/2017 là 3.310.761.136 VND.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Chi phí lãi vay	46.943.847	59.349.153
Trích trước chi phí đội vận tải	56.104.545	203.183.712
Chi phí hoa hồng môi giới	143.000.000	39.588.051
Chi phí sơn bôn	134.000.000	-
Trích trước chi phí lương và ăn ca	-	1.003.632.680
Trích trước chi phí thi công các công trình	-	3.707.897.602
Chi phí phải trả khác	18.299.600	71.033.939
	398.347.992	5.084.685.137

18 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	41.302.630	91.087.760
- Bảo hiểm y tế	1.330.200	1.330.200
- Thu hộ tiền hàng của Công ty TNHH MTV Cơ khí Xăng dầu	4.069.056.928	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	3.689.953.025	2.491.953.825
- Lãi chậm thanh toán tiền cổ tức	210.780.197	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	137.740.244	197.478.241
	8.150.163.224	2.781.850.026
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	450.000.000	550.000.000
	450.000.000	550.000.000

19 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	95.221.365	349.121.365
	95.221.365	349.121.365

20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	72.276.620.000	25.425.165.374	(343.472.600)	29.079.939.584	17.854.799.314	144.293.051.672
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	20.796.096.421	20.796.096.421
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	5.109.216.841	(5.109.216.841)	-
Chi trả cổ tức năm trước	-	-	-	-	(8.642.126.400)	(8.642.126.400)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(2.000.000.000)	(2.000.000.000)
Trích thưởng Ban quản lý điều hành	-	-	-	-	(1.719.825.035)	(1.719.825.035)
Thù lao HĐQT từ LN năm 2015	-	-	-	-	(383.631.038)	(383.631.038)
Thù lao HĐQT từ LN năm 2016	-	-	-	-	(302.000.000)	(302.000.000)
Phân chia lợi nhuận hợp tác kinh doanh từ lợi nhuận năm 2016	-	-	-	-	(1.330.158.490)	(1.330.158.490)
Số dư cuối năm trước	72.276.620.000	25.425.165.374	(343.472.600)	34.189.156.425	19.163.937.931	150.711.407.130
Số dư đầu năm nay	72.276.620.000	25.425.165.374	(343.472.600)	34.189.156.425	19.163.937.931	150.711.407.130
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	13.942.202.852	13.942.202.852
Chia cổ tức	-	-	-	-	(23.765.847.600)	(23.765.847.600)
Trích Quỹ đầu tư, phát triển	-	-	-	1.594.589.009	(1.594.589.009)	-
Thù lao HĐQT từ LN năm 2016	-	-	-	-	(464.779.000)	(464.779.000)
Thù lao HĐQT từ LN năm nay	-	-	-	-	(302.500.000)	(302.500.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(2.000.000.000)	(2.000.000.000)
Trích thưởng Ban quản lý điều hành	-	-	-	-	(1.884.492.957)	(1.884.492.957)
Phân chia lợi nhuận hợp tác kinh doanh từ lợi nhuận năm nay ⁽¹⁾	-	-	-	-	(1.343.174.339)	(1.343.174.339)
Giảm khác ⁽²⁾	-	-	-	-	(128.261.547)	(128.261.547)
Số dư cuối năm nay	72.276.620.000	25.425.165.374	(343.472.600)	35.783.745.434	1.622.496.331	134.764.554.539

(1) Đây là khoản lợi nhuận sau thuế phải trả bên hợp tác liên kết kinh doanh, xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 34.1.

(2) Khoản nộp thuế TNDN bổ sung theo Quyết định của Cục thuế TPHCM số 1509/QĐ-CT-XP ngày 18/04/2017.

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông năm 2016 ngày 04/04/2017, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2016 như sau:

	Tạm phân phối	Phân phối	Trong đó: đã tạm
	LNST năm 2017	LNST năm 2016	trích trong năm 2016
	VND	VND	VND
Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	1.594.589.009	-
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	2.000.000.000	-
Thù lao HĐQT và Ban Kiểm soát	302.500.000	766.779.000	302.000.000
Trích thưởng Ban quản lý điều hành	-	1.884.492.957	-
Chi trả cổ tức (bằng 33% vốn điều lệ bình quân)	-	23.765.847.600	-
Chia lợi nhuận hợp tác kinh doanh	1.343.174.339	1.330.158.490	1.330.158.490

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tỷ lệ	31/12/2017	Tỷ lệ	01/01/2017
	(%)	VND	(%)	VND
Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam	46,00	33.248.770.000	46,00	33.248.770.000
Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Deawon Thủ Đức	-	-	23,01	16.634.000.000
Trần Thị Hiền	11,28	8.155.600.000	-	-
Các cổ đông khác	42,36	30.613.350.000	30,63	22.134.950.000
Cổ phiếu quỹ	0,36	258.900.000	0,36	258.900.000
	100,00	72.276.620.000	100,00	72.276.620.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	72.276.620.000	72.276.620.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	72.276.620.000	72.276.620.000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	72.276.620.000	72.276.620.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	23.765.847.600	8.642.126.400
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	23.765.847.600	8.642.126.400

d) Cổ phiếu

	31/12/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.227.662	7.227.662
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	7.227.662	7.227.662
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	7.227.662	7.227.662
Số lượng cổ phiếu được mua lại	25.890	25.890
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	25.890	25.890
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.201.772	7.201.772
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	7.201.772	7.201.772
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành 10.000 VND		

1111
HI N
ÔNG T
VIG KI
AJ
4-TP

e)	Các quỹ của công ty	31/12/2017	01/01/2017
		VND	VND
	Quỹ đầu tư phát triển	35.783.745.434	34.189.156.425
		35.783.745.434	34.189.156.425
21	. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN		
a)	Ngoại tệ các loại	31/12/2017	01/01/2017
	Đô la Mỹ (USD)	16.815,85	39.377,28
		16.815,85	39.377,28
b)	Nợ khó đòi đã xử lý	31/12/2017	01/01/2017
		VND	VND
	Nợ khó đòi đã xử lý	2.888.310.177	2.888.310.177
		2.888.310.177	2.888.310.177
22	. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ	Năm 2017	Năm 2016
		VND	VND
	Doanh thu bán hàng hóa	474.970.067.375	299.461.079.579
	Doanh thu bán thành phẩm	106.186.084.774	414.013.977.157
	Doanh thu hợp đồng xây dựng	16.626.851.903	26.746.435.033
		597.783.004.052	740.221.491.769
23	. GIÁ VỐN HÀNG BÁN	Năm 2017	Năm 2016
		VND	VND
	Giá vốn của hàng hóa đã bán	451.832.530.830	285.792.474.578
	Giá vốn của thành phẩm đã bán	101.133.540.153	348.680.961.598
	Giá vốn của hợp đồng xây dựng	16.087.719.552	24.952.210.271
		569.053.790.535	659.425.646.447

24 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi	95.562.778	726.636.994
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-	65.696.012
Cổ tức, lợi nhuận được chia	10.545.770.635	412.155.113
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	34.246	165.563.900
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	48.743.351
	10.641.367.659	1.418.795.370

25 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền vay	3.752.383.151	3.120.806.141
Lãi chậm thanh toán	210.780.197	74.000.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	2.913.778	39.031.485
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	717.020	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	-	18.554.132
Chi phí tài chính khác	-	71.096.245
	3.966.794.146	3.323.488.003

26 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	641.014.720	612.561.359
Chi phí nhân viên bán hàng	1.237.763.103	2.471.565.872
Chi phí khấu hao tài sản cố định	196.912.240	490.750.261
Chi phí dịch vụ mua ngoài	365.807.640	3.287.396.166
Chi phí khác bằng tiền	5.225.610.709	10.905.376.880
	7.667.108.412	17.767.650.538

27 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	410.514.480	434.006.590
Chi phí nhân viên quản lý	5.516.360.704	19.035.173.514
Chi phí khấu hao tài sản cố định	476.174.218	566.522.512
Thuế, phí, lệ phí	1.319.597.502	3.958.008.384
Hoàn nhập dự phòng	-	(1.738.588.490)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	698.871.802	2.195.650.485
Chi phí khác bằng tiền	3.631.561.661	11.833.113.102
	12.053.080.367	36.283.886.097

28 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Tiền thuê đất được giảm (*)	2.644.132.664	1.300.989.600
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	360.230.704	-
Thu nhập khác	49.963.923	1.590
	3.054.327.291	1.300.991.190

(*) Công ty được giảm đơn giá tiền thuê đất năm 2016. Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 16.

29 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	248.343.695
Chi phí khác	38.369.834	181.801
	38.369.834	248.525.496

30 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	14.791.310.906	25.892.081.748
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(10.545.770.635)	(412.155.113)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(10.545.770.635)	(412.155.113)
Thu nhập chịu thuế TNDN	4.245.540.271	25.479.926.635
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%)	849.108.054	5.095.985.327
Chi phí thuế TNDN truy thu	128.261.547	
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	152.258.783	409.645.190
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(900.844.623)	(5.353.371.734)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	228.783.761	152.258.783

31 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	93.920.217.231	187.947.132.776
Chi phí nhân công	8.095.739.531	33.793.484.238
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.837.128.382	3.765.748.576
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.846.148.008	18.985.255.112
Chi phí khác bằng tiền	12.349.869.992	27.866.714.837
	130.049.103.144	272.358.335.539

32 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.813.612.931	-	9.297.296.939	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	72.105.753.701	-	107.700.871.794	-
Đầu tư ngắn hạn	355.000.000	(313.742.086)	355.000.000	(313.742.086)
	79.274.366.632	(313.742.086)	117.353.168.733	(313.742.086)

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	45.439.914.024	69.234.306.009
Phải trả người bán, phải trả khác	19.306.913.933	49.472.561.662
Chi phí phải trả	398.347.992	5.084.685.137
	65.145.175.949	123.791.552.808

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư.

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2017				
Đầu tư ngắn hạn	41.257.914	-	-	41.257.914
	41.257.914	-	-	41.257.914
Tại ngày 01/01/2017				
Đầu tư ngắn hạn	41.257.914	-	-	41.257.914
	41.257.914	-	-	41.257.914

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.813.612.931	-	-	6.813.612.931
Phải thu khách hàng, phải thu khác	71.540.753.701	565.000.000	-	72.105.753.701
	78.354.366.632	565.000.000	-	78.919.366.632
Tại ngày 01/01/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.297.296.939	-	-	9.297.296.939
Phải thu khách hàng, phải thu khác	107.135.871.794	565.000.000	-	107.700.871.794
	116.433.168.733	565.000.000	-	116.998.168.733

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2017				
Vay và nợ	45.439.914.024	-	-	45.439.914.024
Phải trả người bán, phải trả khác	18.856.913.933	450.000.000	-	19.306.913.933
Chi phí phải trả	398.347.992	-	-	398.347.992
	64.695.175.949	450.000.000	-	65.145.175.949
Tại ngày 01/01/2017				
Vay và nợ	69.234.306.009	-	-	69.234.306.009
Phải trả người bán, phải trả khác	48.922.561.662	550.000.000	-	49.472.561.662
Chi phí phải trả	5.084.685.137	-	-	5.084.685.137
	123.241.552.808	550.000.000	-	123.791.552.808

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

33 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
a) Số tiền đi vay thực thu trong năm		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường;	226.024.250.179	203.836.792.938
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường;	249.818.642.164	168.874.665.164

006.
ANH
TNHH
A TO/
C
5 CHỈ

34 . THÔNG TIN KHÁC

Thông tin về các hợp đồng hợp tác kinh doanh:

- a) Ngày 04 tháng 08 năm 2010, Công ty ký hợp đồng góp vốn với Doanh nghiệp Tư nhân Kinh doanh Xăng dầu Kim Hương cùng hợp tác kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm hóa dầu tại địa chỉ Ấp 1A, Xã Long Xuyên, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương. Nội dung hợp đồng như sau:
- Doanh nghiệp Tư nhân Kim Hương góp vốn bằng khu đất có diện tích 460,3 m² tại xã Long Xuyên, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu góp vốn bằng tiền để đầu tư trang thiết bị, xăng dầu phục vụ kinh doanh bán lẻ, Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu sẽ chịu trách nhiệm quản lý và hạch toán sổ sách kế toán.
 - Thời hạn thực hiện hợp đồng: từ ngày 04/08/2010 đến ngày 30/04/2020;
 - Phân chia lợi nhuận sau thuế: lợi nhuận được chia cố định cho Doanh nghiệp Tư nhân Kim Hương như sau:
 - + Từ 03/08/2010 đến 31/05/2012 là 7.000.000 đồng/tháng.
 - + Từ 01/06/2012 đến 31/05/2020 mỗi năm tăng 10%.
 - Hết thời hạn hợp tác, Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu sẽ bàn giao lại tài sản là khu đất cho bên góp vốn.
- b) Ngày 26 tháng 01 năm 2013, Công ty ký hợp đồng liên kết kinh doanh số 04/2013/HĐLKKD với Công ty Cổ phần Công trình Giao thông 610 về việc góp vốn đầu tư kinh doanh bán lẻ xăng dầu. Nội dung hợp đồng như sau:
- Công ty Cổ phần Công trình Giao thông 610 góp vốn bằng khu đất có diện tích 316 m² tại địa chỉ số 982 - Quốc lộ 1A, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh dùng để xây dựng văn phòng, lắp đặt, kinh doanh trạm xăng. Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu góp vốn 1 tỷ đồng để đầu tư trang thiết bị, xăng dầu phục vụ kinh doanh
 - Thời hạn thực hiện hợp đồng: từ ngày 01/02/2013 đến ngày 31/08/2018;
 - Phân chia lợi nhuận sau thuế: Công ty Cổ phần Công trình Giao thông 610 khoán mức lợi nhuận sau thuế cho Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu, theo đó mỗi tháng Công ty phải trả Công ty Công trình Giao thông 610 số tiền lợi nhuận sau thuế là 85 triệu đồng.
 - Hết thời hạn hợp tác, Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu sẽ bàn giao lại tài sản là khu đất cho bên góp vốn.
 - Theo Văn bản số 60/Cienco610 ngày 28/04/2017, từ ngày 01/01/2017 đến 31/12/2017 phần phân chia lợi nhuận của hàng xăng dầu này là 65 triệu đồng/tháng. Từ ngày 01/01/2018 là 85 triệu đồng/tháng.
- c) Ngày 01 tháng 08 năm 2015, Công ty ký hợp đồng liên kết kinh doanh số 015/CT-HĐ với Công ty TNHH Phát triển Thuận Gia về việc góp vốn đầu tư kinh doanh bán lẻ xăng dầu. Nội dung hợp đồng như sau:
- Công ty TNHH Phát triển Thuận Gia (Bên A) đồng ý góp vốn bằng một mặt bằng có cửa hàng xăng dầu tại địa chỉ 2A/71-72, Ấp 2, Tinh lộ 10, Xã Phạm Văn Hai, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu (Bên B) đồng ý góp vốn bằng việc cung cấp hàng hóa xăng dầu để phục vụ kinh doanh bán lẻ xăng
 - Thời hạn thực hiện hợp đồng: từ ngày 01/08/2015 đến ngày 31/05/2020.
 - Bên A giao cho Bên B toàn quyền tự chủ quản lý điều hành, tổ chức kinh doanh và chịu trách nhiệm về hiệu quả kinh doanh.
 - Bên A được Bên B phân chia lợi nhuận sau thuế cố định trong 05 năm liên kết kinh doanh là 35 triệu đồng/tháng.

2. Cho thuê máy móc thiết bị sản xuất sản phẩm bồn tròn và bồn elip các loại

Ngày 25/12/2017, Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu đã cho Công ty TNHH MTV Cơ khí Xăng dầu Đồng Nai thuê lại toàn bộ hệ thống máy móc thiết bị sản xuất sản phẩm bồn tròn và bồn elip các loại theo hợp đồng số 165/HĐ/PMS-PMS DONG NAI. Một số nội dung chi tiết của hợp đồng như sau:

- Tài sản cho thuê: Hệ thống máy móc thiết bị sản xuất sản phẩm bồn tròn và bồn elip các loại;
- Thời gian cho thuê từ ngày 01/01/2018 đến 31/12/2019. Tài sản đã được bàn giao và đưa vào hoạt động kể từ ngày 01/01/2018.

35 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

36 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Thương mại	Sản xuất	Xây dựng	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên	396.745.283.938	99.908.286.137	16.626.851.903	513.280.421.978
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	74.316.538.635	6.277.798.637	-	80.594.337.272
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	19.229.291.743	5.052.544.621	539.132.351	24.820.968.715
Tổng chi phí mua TSCĐ	-	6.750.673.384	-	6.750.673.384
Tài sản bộ phận trực tiếp	93.222.765.232	31.245.188.695	2.613.690.055	127.081.643.982
Tài sản không phân bổ	-	-	-	76.764.063.252
Tổng tài sản	93.222.765.232	31.245.188.695	2.613.690.055	203.845.707.234
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	43.996.111.659	11.560.088.654	1.233.520.581	56.789.720.894
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	12.291.431.801
Tổng nợ phải trả	43.996.111.659	11.560.088.654	1.233.520.581	69.081.152.695

Theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra chủ yếu trên lãnh thổ Việt Nam do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

37 . SỐ LIỆU SO SÁNH

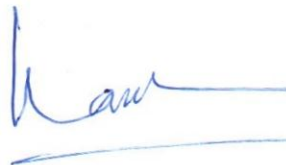
Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán.

Người lập biểu



Đỗ Thị Hồng Hạnh

Kế toán trưởng



Trần Văn Phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 03 năm 2018



Đoàn Đức Học